

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà.

Bà Lương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 173/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Th**, sinh năm 1981.

ĐKKHKT: Khu 1, thị trấn Cẩm G (nay là thị trấn Cẩm G), huyện C, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ tại Cộng hòa Séc: Hrnčířská 44,252 42 Vetsec praha - Cộng hòa Séc.

Đăng ký tạm trú: Thôn Đông Nông X, xã Tân T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người được chị Ngô Thị Th ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Anh **Ngô Đức T**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Đông Nông X, xã Tân T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Tuấn A**, sinh năm 1980.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu 1, thị trấn Cẩm G (nay là thị trấn Cẩm G), huyện C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Cộng hòa Séc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số nhà 82, khu 1, thị trấn Cẩm G, tỉnh Hải Dương.

(Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Tuấn A và ông H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cẩm G (nay là thị trấn Cẩm G), huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì anh Tuấn A đi lao động tại Cộng hòa Séc, đến cuối năm 2012 chị cũng sang Cộng hòa Séc làm ăn cùng anh. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 5/2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Tuấn A

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thái Quốc T, sinh ngày 05/5/2007, hiện con đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh Đỗ Tuấn A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con số tiền là 50.000.000đ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 cho đến nay. Sau khi ly hôn chị tự nguyện tiếp tục cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Tuấn A không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để bố mẹ anh Tuấn A tiếp tục nuôi dưỡng con Đỗ Thái Quốc T

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Th ủy quyền cho anh Ngô Đức T thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, anh T đã thông báo cho chị biết, chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị Th không cung cấp được địa chỉ của anh Tuấn A nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Tuấn A. Ông Đỗ Văn H là bố đẻ anh Tuấn A trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Tuấn A ở nước ngoài nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh Tuấn A vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Tuấn A biết. Thông qua gia đình anh Tuấn A có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí. Anh xác định vợ chồng có một con chung là Đỗ Thái Quốc T như chị Th trình bày là đúng. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung cho đến

khi con thành niên và yêu cầu chị Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho ông Đỗ Văn H chăm sóc con Đỗ Thái Quốc T cho đến khi anh về nước. Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Đỗ Tuấn A đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Ông Đỗ Văn H nhất trí thay anh Đỗ Tuấn A chăm sóc cháu Đỗ Thái Quốc T cho đến khi anh về nước.

Cháu Đỗ Thái Quốc T có nguyện vọng được ở với anh Đỗ Tuấn A và ông H

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị Th, anh Tuấn A đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại địa phương được một thời gian ngắn thì chị cùng đi lao động nước ngoài đến nay chưa về nước. Chị Th có đơn xin ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 1 con chung là Đỗ Thái Quốc T hiện đang ở cùng ông bà nội. Đối với chi phí bình quân để nuôi dưỡng một cháu trong độ tuổi từ 15 tuổi - 18 tuổi tại địa phương khoảng 3.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Ngô Thị Th ly hôn anh Đỗ Tuấn A. Về con chung: Giao con chung Đỗ Thái Quốc T, sinh ngày 05/5/2007 cho anh Đỗ Tuấn A nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung thời điểm kể từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2022 là 50.000.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th tiếp tục cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con chung Đỗ Thái Quốc T cho ông H chăm sóc cho đến khi anh Tuấn A về nước. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Th và bị đơn anh Đỗ Tuấn A có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu 1, thị trấn Cẩm G (nay là thị trấn Cẩm Gi), huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh Tuấn A và chị Th đều đang sinh sống tại Cộng hòa Séc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Tuấn A tại Cộng hòa Séc. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh Tuấn A cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Do vậy Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông H - bố đẻ anh Tuấn A, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th có quan điểm đề nghị được xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh Tuấn A và ông H cũng có quan điểm xin được vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Th và anh Đỗ Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cẩm G (nay là thị trấn Cẩm G), huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/02/2007, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì anh Tuấn A đi lao động tại Cộng hòa Séc, cuối năm 2012 chị cũng sang Cộng hòa Séc đoàn tụ cùng anh. Tuy nhiên thực tế do bất đồng quan điểm sống nên anh, chị chỉ chung sống với nhau đến tháng 5/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A. Thông qua gia đình anh Tuấn A cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh Tuấn A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Đỗ Thái Quốc T, sinh ngày 05/5/2007, hiện con đang ở với ông Đỗ Văn H là bố đẻ của anh Tuấn A. Chị Th và anh Tuấn A thống nhất giao con chung Đỗ Thái Quốc T cho anh Đỗ Tuấn A nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh Tuấn A yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật kể từ tháng 5/2015 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chị Th nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 50.000.000đ trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 9/2022 (ông Đỗ Văn H đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ). Sau khi ly hôn, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Thông qua gia đình anh Tuấn A cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy căn chấp nhận. Tạm giao con Đỗ Thái Quốc T cho ông H nuôi dưỡng trong thời gian anh Tuấn A không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Th ly hôn anh Đỗ Tuấn A

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Đỗ Tuấn A được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thái Quốc T, sinh ngày 05/5/2007 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể từ tháng 5/2015 cho đến tháng 9/2022 số tiền là 50.000.000đ (ông H đã nhận đủ). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con chung Đỗ Thái Quốc T cho ông Đỗ Văn H nuôi dưỡng trong thời gian anh Tuấn A không có mặt tại Việt Nam.

Chị Ngô Thị Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh Tuấn A có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị Th không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Th đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000385 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Ngô thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Th và ông Đỗ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Cẩm G huyện C, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền